

An Giang, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 04/2026**

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương về Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Căn cứ Công văn số 6629/EVN SPC ngày 28/08/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc kế hoạch cung cấp điện;

Căn cứ Phương thức 593/NSMO-PT ngày 27/03/2026 của Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia về việc Phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tháng 4/2026.

Công ty Điện lực An Giang (PCAG) lập kế hoạch vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 04/2026 như sau:

**I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH THÁNG 03/2026**

Trong tháng 03/2026, Công ty Điện lực An Giang (PCAG) đã đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho khách hàng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo cấp điện cho cấp điện phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026–2031.

Sản lượng điện nhận tháng 03/2026 đạt 606 triệu kWh (đã bao gồm điện nhận từ năng lượng mặt trời), thấp hơn 6,6% so với cùng kỳ năm 2025. Sản lượng bình quân ngày là 19,5 triệu kWh, sản lượng ngày cao nhất đạt 22 triệu kWh (ngày 26/03/2026) và công suất ngày cao nhất là 1200 MW (ngày 26/3/2026).

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 3		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2026	Năm 2025	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	606.187.674	649.565.872	(6,68)
		A ngày tb (kWh)	19.554.441	22.380.961	(12,63)
		A ngày max (kWh)	22.438.209	23.276.164	(3,60)
		A ngày min (kWh)	18.114.723	20.225.287	(10,44)
2	Công suất	P max (MW)	1.200	1.011,7	18,62
		P min (MW)	501	488	2,70

**1. Các chỉ tiêu kỹ thuật – vận hành**

**1.1. Tình hình mất điện**

Mất điện do sự cố nguồn: Không.

## **1.2. Tình hình vận hành hệ thống điện**

### **- Về đường dây 110kV**

+ Đường dây 110kV thường xuyên vận hành trên 80%: 173 Hà Tiên – 172 Phú Quốc.

### **- Về trạm 110kV**

+ Các MBA đầy tải ngắn hạn >80%: MBA T1 Rạch Giá, T2 Rạch Giá, T2 An Biên, T2 Vĩnh Quang.

+ Các MBA T2 Hòn Đất, T2 Kiên Lương 2: một số ngày nắng tốt, công suất phát ngược từ lưới 22kV lên lưới 110kV trong khoảng thời gian từ 10:00 - 14:00.

## **1.3. Độ tin cậy cung cấp điện (phân phối)**

- Tháng 03/2026: SAIDI là 12 phút; MAIFI là 0,16 lần; SAIFI là 0,12 lần.

- Lũy kế 03 tháng: SAIDI là 31 phút; MAIFI là 0,26 lần; SAIFI là 0,37 lần.

## **1.4. Về sự cố lưới điện**

### **1.4.1. Sự cố lưới 22kV:**

- Tháng 3/2026 xảy ra 14 vụ sự cố, giảm 10 vụ so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó sự cố KD là 09 vụ, giảm 08 vụ; sự cố TQ là 05 vụ, giảm 02 vụ so với cùng kỳ; sự cố TBA 00 vụ, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2025.

- Lũy kế 03 tháng: xảy ra 32 vụ, giảm 26 vụ so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó sự cố KD là 24 vụ, giảm 24 vụ; sự cố TQ là 08 vụ, giảm 02 vụ so với cùng kỳ năm 2025; sự cố TBA 00 vụ, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2025.

### **1.4.2. Sự cố lưới 110kV:**

- Tháng 03/2026: không xảy ra sự cố do A2 xét KQ (thực tế xảy ra 01 vụ sự cố thoảng qua đd 110kV 176 Long Xuyên 2 – 172 An Châu).

- Lũy kế 03 Tháng: không xảy ra sự cố, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2025.

## **2. Tình hình điện áp thấp, mang tải cao, đầy/quá tải**

- Điện áp thấp: Không.

- Đường dây 22kV mang tải cao (>300A): 471 Phú Quốc, 476 Phú Quốc, 477 Phú Quốc, 482 Hội An.

## **3. Tình hình huy động công suất nguồn điện mặt trời mái nhà**

Thực hiện huy động công suất tối đa nguồn điện mặt trời mái nhà theo phân bổ hàng tuần của Tổng công ty, cụ thể:

Thực hiện huy động công suất tối đa nguồn điện mặt trời mái nhà theo phân bổ hàng tuần của Tổng công ty, cụ thể:

- Ngày 01/3/2026: từ 9:00 - 14:30: huy động 175,42MW/395 MW

- Ngày 02/3/2026 – 06/03/2026: từ 10:30 - 13:00: huy động 115,33MW/395 MW

- Ngày 07/3/2026: từ 10:30 - 13:00: huy động 109,19MW/395 MW
- Ngày 08/3/2026: từ 10:30 - 13:00: huy động 170,05MW/395 MW
- Ngày 09/3/2026 – 13/03/2026: từ 09:30 - 14:00: huy động 198,39MW/395 MW
- Ngày 14/3/2026: từ 10:30 - 13:30: huy động 198,79MW/395 MW
- Ngày 15/3/2026: từ 9:00 - 14:30: huy động 163,79MW/395 MW
- Ngày 16/3/2026 – 20/03/2026: từ 10:00 - 13:30: huy động 192,43MW/395 MW
- Ngày 21/3/2026: từ 10:00 - 13:30: huy động 204,66MW/395 MW
- Ngày 22/3/2026: từ 09:30 - 14:00: huy động 177,11MW/395 MW
- Ngày 23/3/2026 – 27/03/2026: từ 10:00 - 13:30: huy động 118,25MW/395 MW
- Ngày 28/3/2026: từ 10:00 - 13:30: huy động 184,47MW/395 MW
- Ngày 29/3/2026: từ 10:30 - 13:00: huy động 168,96MW/395 MW
- Ngày 30/3 và 31/3/2026: Huy động tối đa .

## II. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THÁNG 04/2026

### 1. Dự kiến sản lượng điện nhận, công suất

- Sản lượng điện nhận dự kiến: 669 triệu kWh, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2025.
- Công suất lớn nhất trong tháng: Pmax ~ 1236 MW.
- Công suất nhỏ nhất trong tháng: Pmin ~ 516 MW.

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 4		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2026	Năm 2025	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	669.052.849	649.565.872	3,00
		A ngày tb (kWh)	21.582.350	20.953.738	3,00
		A ngày max (kWh)	23.974.449	23.276.164	3,00
		A ngày min (kWh)	21.225.288	20.225.287	4,94
2	Công suất	P max (MW)	1.240	1.012	22,57
		P min (MW)	580	488	18,90

### 2. Kế hoạch huy động nguồn điện năng lượng mặt trời

- NMD mặt trời Bình Hòa 10MW: Huy động công suất phát tối đa theo phân bố trên trang web: [www.thitruongdien.evn.vn](http://www.thitruongdien.evn.vn) của đơn vị Điều độ HTĐ quốc gia.

- Nguồn năng lượng mặt trời mái nhà: Thực hiện theo văn bản công bố công suất huy động tối đa nguồn năng lượng mặt trời mái nhà hàng tuần của Tổng công ty.

### 3. Kết dây cơ bản lưới điện 110kV

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
1.	Long Xuyên	MC 171	Thường mở	MBA T1, T2 nguồn Long Xuyên 2
2.	An Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Long Xuyên 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
3.	Chợ Mới	MC 412	Thường mở	Trạm nhận nguồn Cao Lãnh 2

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
				MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
4.	Phú Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 ĐZ 110kV cấp T2 Hồng Ngự
5.	Cái Dầu	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
6.	Châu Đốc	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
7.	Tri Tôn	MC 132	Thường mở	MBA T1 cấp C41, C42 MBA T2 vận hành kinh tế
8.	Thoại Sơn	MC 131	Thường mở	MBA T2 cấp C41, C42 MBA T1 vận hành kinh tế
9.	Phú Tân	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2
10.	An Phú	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
11.	Hòn Đất	MC 171	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T2 cấp C42
12.	Kiên Lương 2	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
13.	Hà Tiên	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
14.	Minh Phong	MC 412	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
15.	Rạch Giá	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42

#### 4. Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)

Theo phụ lục đính kèm.

#### 5. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới 110kV, 22kV

6. - Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 110kV tháng 04/2026:

Tên thiết bị, đường dây	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Nội dung công việc
Đường dây 110kV 171 Châu Đốc 2 - 173 Cái Dầu	05/03/2026 6:00	24/04/2026 18:00	- Thi công khoan nhồi vị trí T02, tháo hạ thu hồi trụ hiện hữu, XDM vị trí T282, T188, T171, chuyển dây dẫn lên cột XDM các vị trí T01-T07 và T66-T76-T77. Hoàn chỉnh đường dây 110kV 171 Châu Đốc 2 - 173 Cái Dầu
Trạm 110KV - An Châu: MC 112, MC 172, MC 132, MBA T2, MC 432	04/04/2026 6:00	04/04/2026 17:00	- Thay tủ ĐK&BV và tủ MK ngăn 132; - Thay dàn tụ bù T401, vệ sinh công nghiệp siết đầu coss thiết bị

<b>Tên thiết bị, đường dây</b>	<b>Thời gian bắt đầu</b>	<b>Thời gian kết thúc</b>	<b>Nội dung công việc</b>
Trạm 110KV - An Châu: MC 132, MBA T2, MC432, Thanh cái C42	05/04/2026 6:00	05/04/2026 18:00	- Thay role thanh cái C42, thay cáp hạ thế tự dùng TD42 trạm 110kV An Châu
- Trạm 110KV - Giồng Riềng: MBA T1, MC 131, MC 171, MC 112, TC C11, MC 431, Các MC hợp bộ ngăn C41, MC 421; - Đường dây 174 Rạch Giá 2 - 171 Giồng Riềng	09/04/2026 6:00	09/04/2026 17:00	- CBM 2026 ngăn 171, T1
- Trạm 110KV - Giồng Riềng: MBA T2, MC 132, MC 172, MC 174, MC 112, MC 432, MC 421, các MC hợp bộ ngăn C42; - Đường dây 172 Giồng Giềng - 171 Vị Thanh; 174 Giồng Giềng - 131 Gò Quao	10/04/2026 6:00	10/04/2026 17:00	- CBM 2026 ngăn 172, 174, T2
- Trạm 110KV - Gò Quao: MBA T1, MC 131, MC 431, Các MC hợp bộ ngăn C41; - Đường dây 174 Giồng Giềng - 131 Gò Quao	10/04/2026 6:00	10/04/2026 17:00	- CBM 2026 ngăn 131, T1, MC 431, các MC hợp bộ ngăn C41
- Trạm 110KV - Thoại Sơn: MC 132, MBA T2, MC432	11/04/2026 6:00	11/04/2026 17:00	- Thay tủ ĐK&BV và tủ MK ngăn 132 trạm 110kV Thoại Sơn
- Đường dây 173 Rạch giá 2 - 172 Minh Phong	12/04/2026 6:00	12/04/2026 15:00	- PTC4 TNDK: 03 năm TU173 pha B, TI173, DCL 173-7 - Bảo dưỡng thiết bị trong phạm vi cắt điện."
- Trạm 110KV - Thoại Sơn: MC 131, MBA T1, MC 431	12/04/2026 6:00	12/04/2026 17:00	- Thay tủ ĐK&BV và tủ MK ngăn 131 trạm 110kV Thoại Sơn
- Đường dây 110kV 175 Châu Đốc 2-172 Sao Mai	15/04/2026 16:00	15/04/2026 22:00	- Thay 01 bát sứ đỡ lèo pha C trụ N8 đường dây 110kV Châu Đốc 2 - Sao Mai
- Trạm 110KV - Phú Tân: MC 112, MC 172, MC 132, MBA T2, MC 432	18/04/2026 6:00	18/04/2026 17:00	- Thay tủ ĐK&BV và tủ MK ngăn 132, vệ sinh công nghiệp siết đầu coss thiết bị, xử lý tồn tại trạm 110kV Phú Tân.
- Trạm 110KV - Phú Tân: MC 132, MBA T2, MC 432, Thanh cái C42	19/04/2026 6:00	19/04/2026 17:00	- Thay role thanh cái C42, thay tủ sạc 01 và dàn ắc quy 01 trạm 110kV Phú Tân

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 22kV tháng 04/2026: Kiểm tra bảo dưỡng lưới điện, thí nghiệm CBM.

## **7. Kế hoạch vận hành lưới 22kV, 110kV**

Vận hành theo kết dây cơ bản lưới điện 22kV, 110kV như hiện nay, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho khách hàng trên địa bàn; đảm bảo cấp điện ổn định cho ngày Lễ Giỗ Tổ và Lễ 30/4.

Dự báo phụ tải gia tăng trong tháng 04/2026 do bước vào mùa nắng nóng, các đơn vị tăng cường công tác quản lý vận hành, theo dõi tải đối với các đường dây mang tải cao để có phương án điều hòa chuyển tải lưới điện để tránh đầy/quá tải dây dẫn và MBA tại các trạm 110kV.

Chuẩn bị sẵn sàng các phương án cung cấp điện để đối phó kịp thời với diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai; nắm bắt tình hình tại địa phương để có phương án cung ứng điện kịp thời.

Tăng cường công tác quản lý vận hành, kiểm tra hành lang ATLĐCA, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác tuyên truyền và xử lý; tăng cường công tác kiểm tra các vị trí xung yếu, các khu vực có nhiều cây cối, khu vực đông dân cư, khu vực có công trường xây dựng, khu vực có phụ tải tăng cao bất thường để có giải pháp phù hợp chi tiết triển khai tại từng khu vực nhằm giảm thiểu tối đa sự cố lưới điện.

Thực hiện huy động công suất ĐMTMN theo công bố công suất huy động của nguồn ĐMTMN tránh quá tải lưới điện.

Thực hiện kế hoạch, phương án đảm bảo cung cấp điện năm 2026, phương án ứng phó mất cân đối cung cầu hệ thống điện, kế hoạch vận hành lưới điện tháng của PCAG, phương thức vận hành của SSO. Triển khai thực hiện đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định trong các tháng đầu năm 2026./.

**Phụ lục : Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)**

<b>Stt</b>	<b>Phát tuyến 1</b>	<b>Phát tuyến 2</b>	<b>Vị trí trụ</b>	<b>Thiết bị thường mở</b>
1.	478 Long Xuyên	478 An Châu	478LX/110	LBS
2.	482 Long Xuyên	477 An Châu	482LX/137	MC
3.	480 Long Xuyên	479 Long Xuyên 2	472-480LX/56A	LBS
4.	473 Long Xuyên	473 Thới Thuận	472-473TT/14/23	MC
5.	475 Long Xuyên	472 Thới Thuận	472-473TT/14/19A	MC
6.	471 Long Xuyên 2	471 Thoại Sơn	473-471TS/215	LBS
7.	473 Long Xuyên 2	473 Thoại Sơn	473-471TS/214	LBS
8.	474 Thoại Sơn	477 Tri Tôn	474TS/415	LBS
9.	475 An Châu	473 Cái Dầu	473CD/202	MC
10.	481 An Châu	479 Tri Tôn	481AC/301	LBS
11.	471 Cái Dầu	472 Châu Đốc	471CD/189	LBS
12.	475 Cái Dầu	479 Tri Tôn	475CD/492	MC
13.	476 Cái Dầu	481 An Châu	481AC/323	LBS
14.	471 Tri Tôn	475 Tịnh Biên	471TT/318/220	DS
15.	478 Tri Tôn	481 Tịnh Biên	481TB/277	MC
16.	475 Châu Đốc	471 An Phú	475CĐ/79/32B/2A	LBS
17.	480 An Phú	472 Phú Châu	472PC/134	LBS
18.	482 An Phú	476 Phú Châu	472PC/118.157.3	LBS
19.	476 Phú Châu	475 Phú Tân	474PC/66.108	MC
20.	477 Phú Châu	480 Phú Tân	477PC/341	MC
21.	473 Phú Tân	471 Chợ Mới	475PT/346	LBS
22.	473 Phú Tân	472 Chợ Mới	482CM/121	MC
23.	479 Chợ Mới	472 Hội An	475TH/372	LBS
24.	472 Hội An	475 Thạnh Hưng	475TH/46	MC
25.	480 Hội An	482 Chợ Mới	480-482CM/264	DS
26.	482 Hội An	482 Thạnh Hưng	477TH/146	MC
27.	478 Châu Đốc	479 Tịnh Biên	471CĐ/179	MC
28.	471 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	471RG/86	DS
29.	475 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	475RG/97	DS
30.	475 Rạch Giá	480 Vĩnh Quang	475RG/81/1	LBS
31.	474 Rạch Giá	472 Vĩnh Quang	474RG/95	DS
32.	476 Rạch Giá	471 Chung Sư	471-473CS/90	LBS

<b>Stt</b>	<b>Phát tuyến 1</b>	<b>Phát tuyến 2</b>	<b>Vị trí trụ</b>	<b>Thiết bị thường mở</b>
33.	476 Rạch Giá	477 Chung Sư	471CS/3/88	DS
34.	478 Rạch Giá	473 Chung Sư	471-473CS-476-478RG/5P	LBS
35.	474 Vĩnh Quang	474 Hòn Đất	474HĐ/270	LBS
36.	471 Chung Sư	474 Rạch Giá	474RG/38D/78	LBS
37.	475 Chung Sư	475 Thạnh Đông	475CS/475TĐ/95	LBS
38.	477 Chung Sư	477 Thạnh Đông	477TĐ/477CS/112	LBS
39.	476 Minh Phong	477 Giồng Riềng	476MP/183	LBS
40.	478 Minh Phong	473 Chung Sư	478MP/185A	LBS
41.	480 Minh Phong	471 Chung Sư	478MP/471/2	LBS
42.	471 Minh Phong	472 An Biên	472AB/159	LBS
43.	477 Thạnh Đông	471 Giồng Riềng	472GR/131	LBS
44.	472 Thạnh Đông	478 Vĩnh Thạnh (PC Cần Thơ QLVH)	478VT/367 (Cần Thơ QLVH)	LBS
45.	477 Giồng Riềng	481 Gò Quao	481GQ/253	LBS
46.	479 Gò Quao	471 Vị Thanh (PC Cần Thơ QLVH)	471VT/390	MC
47.	478 An Biên	473 U Minh Thượng	478AB/39	MC
48.	472 An Biên	479 U Minh Thượng	472AB/138/5P	MC
49.	471 U MinhThượng	474 Vĩnh Thuận	471UMT/132	MC
50.	478 Vĩnh Thuận	476 An Xuyên (PC Cà Mau QLVH)	478VT/102	MC
51.	472 Hòn Đất	471 Kiên Lương 2	472HĐ/265	LBS
52.	477 Kiên Lương 2	480 Hà Tiên	477KL2/130	LBS
53.	475 Hà Tiên	471 Tri Tôn	475HT/343	LBS
54.	473 Phú Quốc	471 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/242	LBS
55.	475 Phú Quốc	473 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/246	LBS
56.	480 Phú Quốc	475 Nam Phú Quốc	472PQ/157/14	LBS
57.	477 Hà Tiên	471 Hà Tiên	473HT/61/31	LBS